

NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI
VÀ NHÂN VĂN GIAI ĐOẠN 2010-2020

PGS. TS PHẠM VĂN QUYẾT
Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học
Trường đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia Hà Nội

Trên cơ sở Luật Giáo dục 2005, chúng ta xác định các cơ sở giáo dục đại học ngành khoa học xã hội bao gồm: các trường đại học, học viện, các viện nghiên cứu được chính phủ cho phép đào tạo bậc đại học và sau đại học các ngành khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. Đó là các ngành khoa học nghiên cứu, khám phá các khía cạnh khác nhau của [xã hội loài người](#). Tuy nhiên khi liệt kê tên các ngành khoa học xã hội cụ thể lại có nhiều cách nhìn nhận khác nhau. Chúng ta có thể kể tên một số ngành như sau: xã hội học, [nhân chủng học](#), [khảo cổ học](#), [kinh tế](#), [địa lý](#), [lich sử](#), [ngôn ngữ học](#), [khoa học chính trị](#), luật pháp, [tâm lý học](#), nghiên cứu truyền thông, báo chí, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật, thông tin khoa học, [quan hệ quốc tế](#) và [công tác xã hội](#)... Ngày nay sự phát triển khoa học theo xu hướng nghiên cứu liên ngành hoặc chuyên sâu, việc tích hợp hoặc chia tách các ngành khoa học xã hội đã giúp tạo ra nhiều ngành khoa học xã hội mới; một số trong đó chúng ta rất khó có thể phân biệt một cách rạch ròi giữa chúng với các khoa học tự nhiên.

1. Căn cứ xây dựng nhiệm vụ của các cơ sở GDĐH ngành KHXH

- Bối cảnh quốc tế những năm đầu thế kỷ 21 với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Mặt khác quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng mang lại nhiều lợi ích cho con người, nhưng cũng đặt ra nhiều bất cập trong cạnh tranh kinh tế, phân hóa xã hội và các vấn đề KT-XH có tính toàn cầu ảnh hưởng mạnh mẽ tới các quốc gia, nhất là với các nước đang phát triển. Giáo dục ĐH cả về nội dung,

phương pháp không còn bó hẹp trong biên giới của mỗi quốc gia. Điều đó đặt ra nhiều cơ hội và thách thức với đào tạo và phát triển các ngành KHXH.

- KT-XH nước ta thời gian qua đã phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu quan trọng; kinh tế liên tục tăng trưởng ở mức cao. Cơ cấu kinh tế đang dịch chuyển theo hướng tăng cường công nghiệp và dịch vụ. Đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng được cải thiện rõ rệt... Tuy nhiên, nước ta vẫn là nước có mức thu nhập thấp, các chỉ số phát triển vẫn ở hàng thấp; sự phân hóa xã hội có chiều hướng gia tăng. Theo định hướng phát triển KT-XH, đến năm 2020 về cơ bản nước ta trở thành một nước công nghiệp, nền kinh tế phát triển với hàm lượng trí thức cao. Điều đó đặt ra yêu cầu giáo dục đại học các ngành KHXH không chỉ ở mặt số lượng, mà còn cả ở mặt chất lượng. Nguồn nhân lực KHXH phải có đủ năng lực để đáp ứng những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế, đủ sức giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh từ chính quá trình phát triển và hội nhập quốc tế.

- Các cơ sở GD đại học các ngành KHXH thời gian qua cũng đã đạt được nhiều thành tựu; đã đào tạo được nguồn nhân lực đáp ứng được phần đáng kể những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế, xã hội. Việc quốc tế hóa công tác đào tạo, chất lượng đào tạo, cũng như việc kết hợp giữa nghiên cứu với đào tạo đang từng bước được cải thiện. Nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu được đào tạo từ các cơ sở giáo dục về KHXH đã có những đóng góp rất lớn, giúp cho Đảng và nhà nước kịp thời giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, hạn chế những rủi ro, hướng đến xã hội công bằng, văn minh. Tuy nhiên, cũng như giáo dục đại học nói chung, giáo dục đại học các ngành khoa học xã hội nói riêng vẫn còn nhiều tồn tại cần tháo gỡ. Cơ cấu đào tạo giữa các ngành/ chuyên ngành còn bất hợp lý: trừ một số ngành như kinh tế, luật, ngoại ngữ, còn hầu hết các ngành học khoa học xã hội đều có vị trí thấp trong sự lựa chọn, định hướng nghề nghiệp của người học và khi đã lựa chọn thì đa số sinh viên có xu hướng tâm lý chưa ổn định, thái độ và tinh thần học tập các môn khoa học xã hội chưa cao. Đội ngũ cán bộ được đào tạo ra rất khó kiếm được việc làm phù hợp với chuyên môn. Hiện tại xã hội cũng chưa thực sự coi trọng các ngành khoa học xã hội. Việc đào tạo đại học và sau đại học ở số đông các ngành khoa học xã hội chưa nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức như với các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật của nhiều cấp quản lý.

Đội ngũ giảng viên các ngành khoa học xã hội trong các trường đại học vừa thiếu, không có tính kế thừa và ở một số cơ sở đào tạo đội ngũ này còn yếu về chuyên môn. Phần đông trong số họ được đào tạo ở Liên Xô và các nước Đông Âu cũ, lại không có điều kiện tiếp cận với trình độ phương Tây hiện đại, ngoại ngữ, vốn văn hóa Âu-Mỹ và mối quan hệ với các đại học Âu-Mỹ hạn chế, nên tri thức, bài giảng của họ không theo kịp trình độ của thời đại và sự biến đổi của xã hội (Trần Đình Sử, Lối thoát nào cho giáo dục đại học Việt Nam?, <http://chungta.com/PortletBlank...8/20/2010>).

Chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo, đặc biệt nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học xã hội chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và còn thấp so với trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Phương pháp tiếp cận, nội dung đào tạo ở một số lĩnh vực khoa học xã hội còn lạc hậu, thiếu cập nhật, nặng về lý luận, xa rời cuộc sống và không theo kịp sự biến đổi của thực tế xã hội. Hệ thống giáo trình các môn khoa học xã hội nói chung chậm đổi mới, một số thiên về tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, làm mất sự hứng thú trong học tập và nghiên cứu của người học (Đan Thảo, Khoa học xã hội liệu đã trở thành “vấn đề” của xã hội hiện đại, tldd); nội dung chương trình đào tạo cũng như cơ chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bị bó cứng trong những quy định của Bộ chủ quản, chưa phát huy được trình độ, khả năng đặc thù của từng cơ sở đào tạo. Không ít môn học có nội dung trùng lặp giữa các bậc đào tạo.

Hoạt động nghiên cứu khoa học nghèo nàn, chưa thực sự xuất phát từ yêu cầu của thực tế xã hội, ít gắn với đào tạo, chất lượng thấp, không thu hút được sự tham gia của cán bộ giảng viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Phương pháp quản lý vẫn mang nặng tính bao cấp với cơ chế “xin – cho”, không phát huy được sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và sự sáng tạo của từng người thầy, từng cơ sở đào tạo, chưa quan tâm đúng mức công tác kiểm tra đánh giá chất lượng đầu ra. Cơ sở vật chất ở nhiều cơ sở đào tạo còn chắp vá, chật hẹp, học viên thiếu tài liệu, thiếu các cơ sở thực hành cần thiết...

Đào tạo các ngành khoa học xã hội nhân văn cũng chưa gắn với nhu cầu xã hội. Năng lực nghiên cứu, thực hành, trình độ ngoại ngữ, khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn một cách độc lập, khả năng phối hợp nhóm... của người tốt

nghiệp các hệ đào tạo, cả ở đào tạo tiến sỹ còn nhiều hạn chế.... Những điều đó đặt ra nhiều thách thức với giáo dục đại học các ngành khoa học xã hội, nhân văn trong thời gian tới.

GD đại học nói chung, GD đại học các ngành KHXXH nói riêng vẫn còn nhiều tồn tại cần tháo gỡ. Chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo, đặc biệt nguồn nhân lực trình độ cao về KHXXH chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và còn thấp so với trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Đào tạo chưa gắn với nhu cầu xã hội. Đội ngũ cán bộ được đào tạo ra ở hầu hết các ngành KHXXH(trừ một số ít ngành hot) đều khó kiếm được việc làm phù hợp. Năng lực nghiên cứu, thực hành, trình độ ngoại ngữ, khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn một cách độc lập, khả năng phối hợp nhóm... của người tốt nghiệp các hệ đào tạo, cả ở đào tạo tiến sỹ còn nhiều hạn chế.... Những điều đó đặt ra nhiều thách thức với GD đại học các ngành KHXXH.

2. Những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của các cơ sở GD đại học các ngành KHXXH giai đoạn 2010 - 2020.

2.1. Quan điểm chỉ đạo

- Nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục đại học các ngành khoa học xã hội đến năm 2020 được xác định trên cơ sở sứ mệnh và mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục đại học Việt Nam: “Giáo dục và đào tạo có sứ mạng đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời tạo lập nền tảng và động lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giáo dục và đào tạo phải góp phần tạo nên một thế hệ người lao động có tri thức, có đạo đức, có bản lĩnh trung thực, có tư duy phê phán, sáng tạo, có kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng nghề nghiệp để làm việc hiệu quả trong môi trường toàn cầu hóa vừa hợp tác vừa cạnh tranh”

- Thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, trình độ và chất lượng cao cho các ngành nghề khoa học xã hội và nhân văn, các thành phần kinh tế có liên quan, nâng cao tiềm năng trí tuệ của đất nước; hoàn thiện tính nhân văn, khoa học, hiện đại; gắn kết chặt chẽ và trực tiếp góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kỹ thuật, củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội. Đào tạo đại học các ngành khoa học xã hội đáp ứng nhu cầu xã hội;

phải hướng đến khắc phục tình trạng vừa lãng phí, vừa thiếu hụt trong đào tạo nhân lực;

- Tăng cường hội nhập quốc tế, tiếp thu những tinh hoa của giáo dục đại học các ngành khoa học xã hội của các nước tiên tiến “để tiết kiệm thời gian, công sức tiền của, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nước ta với các nước trên thế giới. Tuy nhiên, việc tiếp nhận những mô hình giáo dục của nước ngoài phải được xem xét thận trọng để phù hợp với trình độ phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo tính khả thi đồng thời không làm tổn hại đến những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc”.

- Giáo dục, đào tạo các ngành khoa học xã hội phải đảm bảo chất lượng cao nhất trong điều kiện kinh phí, cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn hẹp.

- Theo định hướng phát triển cũng như những nhiệm vụ chủ yếu của khoa học xã hội Việt Nam trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 21; góp phần tích cực vào việc xây dựng, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh.

2.2. Những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a) Nhiệm vụ trung tâm và cũng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay và đến năm 2020 của các cơ sở giáo dục đại học các ngành khoa học xã hội nói riêng là tạo ra sự đột biến về chất lượng đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo để trong những năm tới sẽ có được đội ngũ nhân lực khoa học xã hội đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nâng cao chất lượng đào tạo cũng là cách thức để đến cuối thập kỷ này sẽ có một số ngành, một số cơ sở giáo dục đại học khoa học xã hội Việt Nam đứng ngang tầm với trình độ các đại học trong khu vực tạo đà tiến dần trình độ quốc tế; sẽ có một tỷ lệ nhất định (khoảng 5%-10%) sinh viên tốt nghiệp có đủ các điều kiện, phẩm chất, năng lực chuyên môn và ngoại ngữ để có thể cùng các nhà khoa học các nước tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội có tính khu vực và toàn cầu, hoặc đủ sức cạnh tranh trong thị trường lao động khoa học xã hội quốc tế.

a1. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng cập nhật, hiện đại, đáp ứng sự biến đổi của xã hội, đáp ứng nhu cầu của xã hội, tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho người học, tiếp cận trình độ quốc tế.

a2. Xây dựng quy trình đào tạo mềm dẻo và liên thông đáp ứng nhu cầu, khả năng của người học theo hướng tạo điều kiện cho họ học đại học bất cứ lúc nào và học tập suốt đời. Việc chuyển đổi sang phương thức đào tạo theo tín chỉ với các cơ sở giáo dục đại học ngành khoa học xã hội là thật sự cần thiết. Nó đáp ứng được nhu cầu học tập công tác, tích lũy kiến thức và sự gắn kết giữa kiến thức nhà trường với hoạt động thực tiễn ở người học.

a3. Đổi mới phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá. Một trong những yêu cầu quan trọng của phương thức đào tạo theo tín chỉ là phải đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá. Đổi mới phương pháp dạy và học theo các phương châm: phát huy được cao nhất tính chủ động của người học, dạy cách học và tận dụng công nghệ thông tin và truyền thông mới. Song song với việc tăng cường điều kiện vật chất và đổi mới dạy và học, các cơ sở giáo dục đại học nên giảm bớt giờ lên lớp, tăng thời gian tự học và thảo luận, thực tập, thực tế.

Thay đổi cơ bản phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng chuẩn hóa và chú trọng đánh giá trong suốt cả quá trình học tập, sử dụng nhiều phương pháp đánh giá đa dạng, khoa học và hiện đại. Xây dựng, đổi mới phương thức tuyển chọn, nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo phù hợp với lĩnh vực khoa học xã hội, để nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, đặc biệt trong việc tuyển chọn nghiên cứu sinh, thực hiện đề tài luận án và đánh giá luận án tiến sĩ.

a4. Xây dựng hệ thống thư viện, học liệu, giáo trình hiện đại, cập nhật. Khuyến khích giảng viên biên soạn, nhập và biên dịch, xuất bản giáo trình cho các môn học; chọn lọc đưa vào sử dụng một số chương trình đào tạo, giáo trình tiên tiến, hiện đại thuộc các ngành quản lý kinh tế đang được giảng dạy tại các trường đại học nước ngoài phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam.

a5. Trú trọng đào tạo chất lượng cao, tài năng và các chương trình tiên tiến làm cơ sở xây dựng một số cơ sở giáo dục đại học, một số ngành đào tạo khoa học xã hội mạnh đạt trình độ khu vực và quốc tế, làm chỗ dựa về chất lượng cho toàn hệ

thống giáo dục đại học khoa học xã hội. Tạo điều kiện để có thể mời các giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy ở một số lĩnh vực khoa học xã hội phù hợp.

b) Mở rộng liên kết quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chú trọng liên kết đào tạo ở các chương trình những ngành/ chuyên ngành có khả năng chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực nghiên cứu cho cán bộ.

Trong lợi thế của đào tạo các ngành khoa học xã hội, các cơ sở đào tạo nhanh chóng nâng cao chất lượng các chương trình nghiên cứu và đào tạo đặc thù của quốc gia và dân tộc tạo sức hấp dẫn, thu hút ngày càng đông hơn lực lượng sinh viên, học viên, NCS và các nhà nghiên cứu các nước đến học tập, nghiên cứu ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc và các giá trị truyền thống của dân tộc.

Tận dụng mọi khả năng thu hút chuyên gia giỏi từ nước ngoài hỗ trợ đào tạo một số lĩnh vực mà chúng ta còn hạn chế hoặc còn đơn điệu như ngoại ngữ (tiếng Anh), phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội...; thu hút chất xám từ Việt kiều và sử dụng công dân Việt Nam học từ nước ngoài trở về đóng góp xây dựng đất nước. Tham gia thị trường đào tạo nhân lực khoa học xã hội quốc tế, tiến tới xuất khẩu lao động trình độ cao.

c) Tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; gắn công tác nghiên cứu khoa học với nâng cao chất lượng đào tạo

Hướng hoạt động nghiên cứu của trường vào mục tiêu hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo; có quy định cụ thể để gắn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên với công tác giảng dạy, nâng cao phong cách nghiên cứu trong giảng dạy đại học, gắn các đề tài nghiên cứu với các đề tài luận văn thạc sĩ, tiến sĩ. Có chính sách phù hợp để sinh viên, học viên cao học tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

Gắn hoạt động nghiên cứu với việc giải quyết những vấn đề phục vụ thực tiễn phát triển kinh tế xã hội và các lĩnh vực thiết yếu phục vụ cho hội nhập và phát triển kinh tế thị trường như luật, kinh tế, kinh tế đối ngoại, quản trị kinh doanh...

Thúc đẩy mối liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp nhằm gắn kết đào tạo, khoa học và sản xuất kinh doanh. Tổ chức có hiệu quả chế độ kiêm nhiệm tham gia giảng dạy của các cán bộ khoa học làm việc ở các viện nghiên cứu.

Đổi mới công tác xét duyệt, quản lý, thẩm định đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Đưa các kết quả nghiên cứu khoa học vào phục vụ trực tiếp công tác giảng dạy và hướng dẫn NCS.

d) Không ngừng phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ sư phạm và năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy. Đây là khâu quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo.

Có chính sách, phương thức tuyển dụng cán bộ theo hướng khách quan, công bằng và có yếu tố cạnh tranh. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đại học. Lựa chọn sinh viên khá giỏi, cán bộ khoa học có năng lực đã kinh qua công tác tại các cơ sở kinh tế xã hội để bổ sung cho đội ngũ. Với khoa học xã hội rất cần khuyến khích các giáo sư, cán bộ khoa học có nhiều kinh nghiệm, đã nghỉ hưu tham gia công tác đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học.

Chú trọng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của giảng viên, tầm nhìn chiến lược, năng lực sáng tạo và tính chuyên nghiệp của cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục đại học.

Xác định mức lao động khung, quy định cụ thể nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho giảng viên đại học thích hợp với nhiệm vụ của cơ sở đào tạo. Xác lập chế độ nghỉ giảng dạy dài hạn có hưởng lương để cán bộ có điều kiện trao đổi học thuật, nghiên cứu khoa học, thâm nhập thực tế. Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của giảng viên đại học nhằm xây dựng phong cách nghiên cứu trong giảng dạy và từng bước thực hiện việc gắn kết mang tính bắt buộc giữa giảng dạy với nghiên cứu.

Xây dựng quy trình thích hợp để đánh giá giảng viên nói chung thông qua các nhà quản lý, các đồng nghiệp và sinh viên.

Xây dựng cơ chế chính sách để thu hút được nhiều chuyên gia giỏi từ các cơ sở nghiên cứu và sản xuất kinh doanh trong nước và ngoài nước (kể cả Việt kiều) để hỗ trợ cho giảng dạy đại học

e) Đổi mới cơ chế tổ chức, quản trị đại học theo hướng tiên tiến, phát được huy tính tích cực chủ động của người học, tạo điều kiện hội nhập với các đại học các nước;

Khẩn trương thành lập và triển khai hoạt động của Hội đồng trường ở các cơ sở giáo dục đại học với tư cách là tổ chức quyền lực cao nhất ở một trường đại học. Triển khai quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược ở các trường, xem như một biện pháp tạo nên sự đồng thuận và dân chủ hóa nhà trường.

Xây dựng các trung tâm đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học, hình thành “văn hóa chất lượng”; triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng, tích cực tham gia vào hệ thống kiểm định chất lượng quốc gia và từng bước tham gia vào hệ thống kiểm định chất lượng quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng “thương hiệu” của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

1. Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nghị quyết của Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012, số 05-NQ/BCSD ngày 6/01/2010.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 6/01/2010 của Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012, kèm theo Quyết định số 179/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đan Thảo, Khoa học xã hội liệu đã trở thành “vấn đề” của xã hội hiện đại, <http://www.gdtd.vn/channel/3361/>

4. Dự thảo chiến lược giáo dục 2009-2020 (lần thứ 13), theo <http://Vietnamnet.vn/giaoduc/2008/12>

5. Phạm Quỳnh, Quy hoạch và phát triển của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, <http://www.vass.gov.vn>

6. Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012, số 269/CT-TTg, ngày 27/2/2010

7. Trần Đình Sử, Lối thoát nào cho giáo dục đại học Việt Nam?, <http://chungta.com/PortletBlank.aspx/40A...8/20/2010>.

8. Trường Lưu, Xây dựng và phát triển đội ngũ tri thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, tạp chí Cộng sản, số 791, tháng 9/2008.

9. Các trang <http://www.gsneu.edu.vn>; <http://vn.news.yahoo.com/> và Website của các trường đại học khoa học xã hội của Việt Nam